

Số: 18/QĐ-CTHADS

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (đính kèm biểu số 02).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

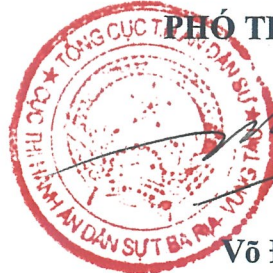
Điều 3. Chánh Văn phòng, kế toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức cấp trên;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Lưu :VT, KT.

KT.THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ THỦ TRƯỞNG



Võ Đức Tùng

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh BR-VT
Chương:014

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 267/QĐ-CTHADS ngày 29/12/2023 của Cục THADS tỉnh BR-VT)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.397.000
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	1.397.000
	Phí 75% (55% được sử dụng tại đơn vị và 20% nộp về Tổng Cục)	1.047.750
	Phí 25% nộp ngân sách nhà nước.	349.250
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.470.162
1	Chi quản lý hành chính	6.470.162
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.096.589
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	373.573
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu, DA	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
III	Chi các DA khác	
1	Nhà học đa năng và các công trình phụ trợ	

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ks Đức Tùng

Số: 267/QĐ-CTHADS

Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ công văn số 4988/TCTHADS-KHTC ngày 29/12/2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự về thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho Bạc NN tỉnh;
- Kho BạcNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, KT;





CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 1536/CHADS ngày 29/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị: nghìn đồng

ST T	Tên đơn vị	KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-341)								Các khoản giảm trừ	
		TỔNG SỐ	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	Chi thường xuyên theo định mức	Quản lý ngành	Hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung Cục	Quỹ thi đua khen thưởng tập trung	Đặt mua báo PLVN tập trung	Dịch vụ chung chuyển về Văn phòng Bộ
A	B	$l=\text{sum}(1:10)$	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG	24.776.449	17.494.000	5.472.000	82.000	1.775.000	92.000		-109.400	-29.151	0
1	Cục THADS tỉnh	6.096.589	4.379.000	1.286.800	82.000	252.440	0	129.400	-27.300	-5.751	0
2	Chi cục THADS TP. Vũng Tàu	4.231.915	3.135.000	902.500	0	224.640	24.000	-31.400	-19.900	-2.925	0
3	Chi cục THADS huyện Côn Đảo	1.043.795	685.000	195.200	0	174.720	0	-5.000	-3.200	-2.925	0
4	Chi cục THADS TP. Bà Rịa	2.663.383	1.917.528	570.000	0	199.680	11.000	-19.500	-12.400	-2.925	0
5	Chi cục THADS huyện Châu Đức	1.860.995	1.219.000	475.000	0	174.720	15.000	-12.100	-7.700	-2.925	0
6	Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc	2.039.295	1.397.000	475.000	0	174.720	18.000	-13.800	-8.700	-2.925	0
7	Chi cục THADS TX. Phú Mỹ	3.110.415	2.204.000	712.500	0	224.640	8.000	-21.900	-13.900	-2.925	0
8	Chi cục THADS huyện Long Điền	1.956.867	1.315.472	475.000	0	174.720	16.000	-13.100	-8.300	-2.925	0
9	Chi cục THADS huyện Đất Đỏ	1.773.195	1.242.000	380.000	0	174.720	0	-12.600	-8.000	-2.925	0

Số: 268/QĐ-CTHADS

Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1231/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ công văn số 4988/TCTHADS-KHTC ngày 29/12/2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự về thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho Bạc NN tỉnh;
- Kho BạcNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, KT;

CỤC TRƯỞNG

Vũ Đức Hải



CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 2136/CHADS ngày 29/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị: nghìn đồng

ST T	Tên đơn vị	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2024	TỔNG SỐ	KINH PHÍ GIAO KHÔNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-341)												KINH PHÍ BỒI THƯỜNG GIAO KHÔNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-368)	KP ĐÀO TẠO (LOẠI 070 - KHOẢN 085)
				Kinh phí án điểm, án lớn, án phức tạp, kéo dài	Kinh phí cường chế ngăn sách chịu	Kinh phí tạm ứng cường chế	Kinh phí tiêu hủy tang vật	Kinh phí Thừa phát lại (tạm ứng)	Kinh phí thuê trụ sở, kho vật chứng	Kinh phí tình gián biên chế	Kinh phí may trang phục, lễ phục, phù hiệu, cấp hiệu (May sắm tập trung)	Kinh phí may trang phục CBCC (Tiền mặt)	Kinh phí may trang phục HĐ năm 2023 (Tiền mặt)	Kinh phí may trang phục HĐ năm 2024 (Tiền mặt)			
A	B	1=2+17+18	2=sum(3:15)	3	4	5	6	8	10	12	13	14	15	16	17	18	
	TỔNG CỘNG	1.503.723	1.503.723	0	0	1.130.000	0	0	0	0	174.583	120.760	42.220	36.160	0	0	
1	Cục THADS tỉnh	373.573	373.573	0	0	160.000	0	0	0	0	174.583	25.925	7.050	6.015			
2	Chi cục THADS TP. Vũng Tàu	301.040	301.040	0	0	270.000	0	0	0	0		21.005	5.015	5.020			
3	Chi cục THADS huyện Côn Đảo	15.590	15.590	0	0	5.500	0	0	0	0		5.030	3.030	2.030			
4	Chi cục THADS TP. Bà Rịa	199.430	199.430	0	0	178.000	0	0	0	0		12.345	5.060	4.025			
5	Chi cục THADS huyện Châu Đức	68.050	68.050	0	0	50.000	0	0	0	0		9.010	5.020	4.020			
6	Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc	166.905	166.905	0	0	149.500	0	0	0	0		10.355	3.025	4.025			
7	Chi cục THADS TX. Phú Mỹ	145.420	145.420	0	0	120.000	0	0	0	0		16.380	5.020	4.020			
8	Chi cục THADS huyện Long Điền	152.020	152.020	0	0	134.000	0	0	0	0		12.050	2.985	2.985			
9	Chi cục THADS huyện Đất Đỏ	81.695	81.695	0	0	63.000	0	0	0	0		8.660	6.015	4.020			

